

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 11 và 11 tháng năm 2017

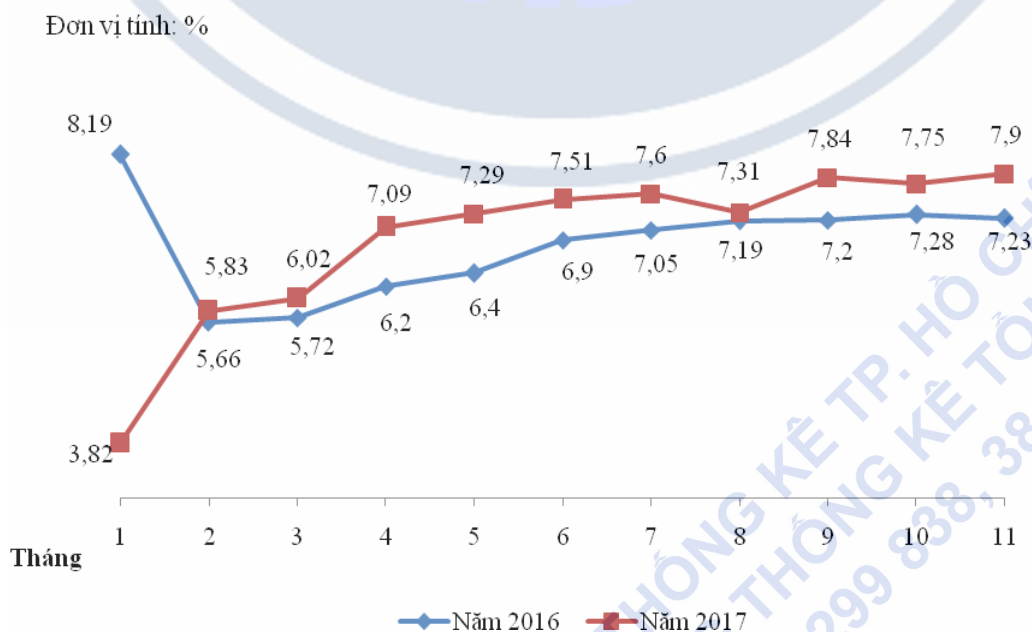
I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 11 tăng 2,88% so với tháng trước. Trong tháng này một số ngành có chỉ số sản xuất tăng: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+15,67%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+15,62%); in (+13,06%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+9,68%); trang phục (+6,36%); dệt (+6,08%); thuốc lá (+4,85%)...

So với tháng 11/2016, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 10,44%. **Tính chung 11 tháng, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước**, cao hơn mức tăng của 11 tháng năm 2016 (mức tăng của năm 2016: +7,23%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 7,65%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,02%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,99%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,39%.

Nhìn chung, chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp Thành phố trong 11 tháng vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

**Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)**



Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 11/2017 so với tháng 10/2017	11 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	102,88	107,90
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	118,08	107,65
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	102,95	108,02
3. SX và phân phối điện	100,00	104,99
4. SX và phân phối nước	98,28	105,39
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	104,46	104,38
2. Sản xuất đồ uống	100,49	102,88
3. Sản xuất trang phục	106,36	104,56
4. Sản xuất da và SP liên quan	101,14	95,56
5. SX hóa chất và SP hóa chất	102,42	104,34
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	100,90	103,12
7. SP từ khoáng phi kim loại	115,62	107,97
8. Sản xuất SP điện tử	88,90	138,48
9. Sản xuất thiết bị điện	99,28	110,46
10. Sản xuất xe có động cơ	97,62	122,37

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, có 24/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao:** sản xuất sản phẩm điện tử tăng khá cao (+38,48%); sản xuất kim loại (+30,51%); sản xuất xe có động cơ (+22,37%); sản xuất giấy (+10,53%); sản xuất thiết bị điện (+10,46%)... **Một số ngành có chỉ số tăng khá:** dệt (+9,7%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+9,56%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+7,97%)... **Một số ngành có chỉ số giảm:** sản xuất thuốc lá (-0,09%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-3,52%); sản xuất da (-4,44%)...

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính tháng 11 giảm 1,17% so với tháng trước; tăng 11,87% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm tăng 12,94%, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành. Cụ thể như sau:

- Ngành lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 3,57%;
- Ngành hóa dược tăng 2,61%, ngành này có xu hướng tăng chậm và giảm dần trong những năm gần đây (năm 2015: tăng 0,85%; năm 2016: giảm 0,58%) do di dời và hạn chế sản phẩm gây ô nhiễm môi trường;
- Ngành cơ khí tăng 7,12%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 38,48%. Nguyên nhân do áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật ở trình độ cao từ các dự án của các tập đoàn kinh tế thế giới trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử...

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 11 so với tháng 10	11 tháng so với cùng kỳ 2016
Tổng số	98,83	112,94
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	102,87	103,57
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	105,37	104,38
11-Sản xuất đồ uống	100,49	102,88
B-Nhóm Ngành hóa dược	100,81	102,61
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	102,42	104,34
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	99,84	101,11
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	100,90	103,12
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	88,90	138,48
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	88,90	138,48
D-Nhóm ngành cơ khí	102,72	107,12
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	115,67	109,56
27-Sản xuất thiết bị điện	99,28	110,46
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	112,17	109,86
29-Sản xuất xe có động cơ	97,62	122,03
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	89,02	83,83

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 11/2017 tăng 2,58% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ tăng 29,46%. Trong đó nhiều ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất xe có động cơ; dệt; sản xuất kim loại; sản xuất thiết bị điện; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/11 tăng 46,26% so với tháng cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử; in; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất giấy; sản xuất thiết bị điện; sản xuất da...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Thành phố đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, tiếp tục theo hướng nông nghiệp đô thị, sản phẩm cây trồng, vật nuôi đạt năng suất cao, an toàn và hiệu quả. Đồng thời, xây dựng và thực hiện nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020.

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt:

Theo kết quả điều tra sơ bộ vụ mùa năm 2017, tổng diện tích gieo trồng ước đạt 11.654,4 ha, giảm 2,1% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích lúa đạt 7.642,6 ha, giảm 2,6%, nguyên nhân chủ yếu là do chuyển đổi cơ cấu sang cây trồng

có giá trị kinh tế cao hơn; năng suất đạt 42,4 tạ/ha, tăng 5,4%, sản lượng ước đạt 32.424,1 tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Diện tích rau các loại ước đạt 2.447,4 ha, tăng 3,2%; đậu phộng 33,7%, giảm 1,1%; mía trồng mới 272,6 ha, giảm 5,7% so cùng kỳ năm trước.

Sơ bộ kết quả vụ mùa năm 2017

	Vụ mùa 2017			% so với vụ mùa 2016		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	11.654,4			97,9		
Lúa	7.642,6	42,4	32.424,1	97,4	105,4	102,6
Bắp	35,6	29,1	103,5	62,8	95,8	60,2
Rau	2.447,4	277,3	67.876,1	103,2	105,5	108,8
Đậu phộng	33,7	26,1	88	98,9	104,4	103,2
Mía trồng mới	272,6	-	-	94,3	-	-

Tính đến ngày 15/11/2017, diện tích lúa đông xuân gieo cấy ước đạt 148 ha, tăng 97,3% so với tiến độ gieo trồng cùng kỳ năm trước.

Tình hình sinh vật gây hại: diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng trên lúa là 1.417,1 ha, tăng 8,2% so với cùng kỳ; trên rau là 521,8 ha, giảm 11,7%; hoa lan, cây kiếng 104,5 ha, tăng 28,7%. Các cơ quan chức năng và người trồng trọt đã kịp thời phòng trị và điều trị, nên tỉ lệ sâu bệnh ở mức nhẹ.

Chương trình phát triển giống cây, giống con chất lượng cao: Trung tâm Công nghệ sinh học đã sưu tập được 12 giống kiếng lá, 8 giống hoa nền và 5 giống hoa lan Dendrobium mới. Xây dựng cánh đồng mai (250 ha) tại xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh; cánh đồng lan tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (10 ha) và cánh đồng lan tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn (7 ha).

Chương trình phát triển rau an toàn: Từ đầu năm đến nay, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã đánh giá và cấp chứng nhận cho 96 cơ sở sản xuất rau, quả với tổng diện tích canh tác là 64,85 ha. Tổng số cơ sở đã được chứng nhận VietGAP còn hạn là 244 cơ sở với 239,6 ha diện tích canh tác.

1.2. Chăn nuôi:

Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/10/2017, đàn trâu có 5.377 con, tăng 7,6% so với cùng kỳ. Đàn bò 125 ngàn con, giảm 2,1% (bò sữa chiếm 67,5%); thị trường tiêu thụ thịt bò ổn định đã tạo động lực phát triển đàn bò thịt, bên cạnh đó đàn bò sữa tiếp tục giảm do Thành phố có chủ trương giảm bò cái sữa có năng suất thấp và hộ nuôi bò sữa có quy mô nuôi nhỏ lẻ, không hiệu quả. Đàn heo có 302,8 ngàn con (chưa tính heo sữa), tăng 7,6% so với cùng kỳ, nguyên nhân là do khó khăn trong việc tiêu thụ, các hộ phải kéo dài thời gian chăn nuôi. Đàn gà 424,6 ngàn con, tăng 1,6% (gà thịt chiếm 94,5%), nuôi tập trung tại hộ gia công cho công ty CP và trang trại gà An Phú - Củ Chi thuộc Tổng Công Ty Nông Nghiệp Sài Gòn.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tại Thành phố tương đối ổn định, không phát hiện ra các trường hợp nhiễm bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, PRRS tại các hộ chăn nuôi.

Trong tháng, Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản thực hiện bình tuyển, lập lý lịch cho 381 con bò sữa, lũy kế 11 tháng thực hiện 3.422 con, đạt 68%

kế hoạch; trong đó có 85% bò sữa đạt chuẩn đặc cấp theo tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tiếp tục thực hiện chuyển giao kết quả đánh giá tiến bộ di truyền giống heo theo phương pháp BLUP.

Đề án nâng cao chất lượng đàn bò sữa: Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản tiếp tục thực hiện Chương trình nhập nội, cải thiện chất lượng giống bò sữa, tiến hành cấp phát tinh có năng suất cao như Israel, phân ly giới tính, và vật tư cho các đơn vị tham gia chương trình.

2. Lâm nghiệp: Trong tháng, Chi cục Kiểm lâm tổ chức 100 lượt tuần tra bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, lũy kế 11 tháng có 957 lượt tuần tra; phối hợp truy quét phá rừng 7 đợt, lũy kế 120 đợt; kiểm tra công tác bảo vệ phòng cháy, chữa cháy rừng đối với chủ rừng 29 lượt, lũy kế 312 lượt; tổ chức 73 lượt kiểm tra gây nuôi động vật hoang dã, lũy kế đã tổ chức 487 lượt.

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước đạt 6.505 tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 1.935 tấn, giảm 10,3%; sản lượng tôm ước đạt 1.910 tấn, tăng 23,5%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.660 tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác chiếm 29,9% trong tổng sản lượng thủy sản tháng 11, ước đạt 1.945 tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 11 chiếm 70,1%, ước đạt 4.560 tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 11 tháng, sản lượng thủy sản ước đạt 52.218,4 tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước 16.762,3 tấn, giảm 1,3%; tôm ước đạt 14.297,1 tấn, giảm 0,3%; thủy sản khác ước đạt 21.159 tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng khai thác ước đạt 17.943,5 tấn, tăng 4,5% so cùng kỳ năm trước. Sản lượng nuôi trồng ước đạt 34.274,9 tấn, giảm 0,2% so cùng kỳ năm trước.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/11, trên địa bàn có 586 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 169,22 triệu con giống trên diện tích 3.280,96 ha, 2.530 lượt hộ thả nuôi tôm thẻ chân trắng với 714,27 triệu con giống trên diện tích 1.874,69 ha. Thành phố đang xây dựng mô hình nuôi thủy sản đảm bảo an toàn chất lượng, số lượng hiện đang thực hiện là 447 cơ sở nuôi tôm tại huyện Nhà Bè và Cần Giờ với tổng diện tích 551,57 ha.

Dịch bệnh trên tôm tại huyện Cần Giờ: trong tháng đã có 13 hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 9,31 ha làm thiệt hại 1,29 triệu con giống. Lũy kế, 234 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 149,83 ha, trong đó có 97 hộ với 48,3 ha được xử lý dập bệnh thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 11 tháng thực hiện 295.162,2 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 15,2%; so với kế hoạch năm đạt 88,2%. Trong đó:

Vốn ngân sách Thành phố 11 tháng ước thực hiện 17.875,8 tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng kỳ và đạt 61,6% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 5,7%).

Đầu tháng 11, vốn kế hoạch năm được thành phố bổ sung (đợt 2) tăng từ 18.866,893 tỷ đồng lên 21.695,214 tỷ đồng, tăng cho những dự án có tiến độ thi công thuận lợi, giải ngân cao từ đầu năm đến nay, nhằm mục đích cuối năm hoàn thành nhiều công trình đưa vào sử dụng để tác động đến tăng trưởng kinh tế... Một số dự án có khối lượng thực hiện cao trong tháng như xây dựng nút giao thông Mỹ Thủy, quận 2, 11 tháng ước thực hiện 192,4 tỷ đồng; nâng cấp đường Lương Đình Của, quận 2, 11 tháng ước thực hiện 105,4 tỷ đồng; cải thiện môi trường nước (giai đoạn 2), 11 tháng ước thực hiện 820 tỷ đồng; vệ sinh môi trường (giai đoạn 2), 11 tháng ước thực hiện 510,2 tỷ đồng và cắt giảm các dự án thực hiện chậm tiến độ hoặc chưa có tính cấp bách.

Để hoàn thành tốt kế hoạch năm, nhiều chủ đầu tư và Sở ngành đang tăng tốc thực hiện khối lượng các dự án cho những tháng cuối năm, cụ thể tháng 11 ước thực hiện so với tháng 10 tăng 24,3%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách Thành phố

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2016
Tổng vốn đầu tư	17.875,8	61,6	112,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	749,2	88,2	69,5
Cấp thành phố	9.898,3	57,0	110,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	484,7	105,9	85,9
Cấp quận huyện	7.977,5	81,1	114,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	264,5	67,6	51,6

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách:

– Tuyên đường sắt Metro số 1, Bến Thành – Suối Tiên: Tiếp tục ứng vốn ngân sách thành phố để thi công theo tiến độ kế hoạch, do nguồn vốn ODA cấp theo kế hoạch đạt thấp.

– Cầu vượt vòng xoay Nguyễn Thái Sơn: đã thông xe ngày 16/11/2017 nhánh Nguyễn Kiệm - Hoàng Minh Giám; nhánh Nguyễn Kiệm – Nguyễn Thái Sơn, hiện đã thi công phần đã giải tỏa xong.

– Cầu Nhị Thiên Đường 2: đã hoàn thành đưa vào lưu thông.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/10, toàn thành phố đã cấp 51.880 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 10.020,3 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 51.184 giấy phép, với diện tích 9.951,1 ngàn m² và 696 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 69,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 7,4% về giấy phép (+3.558 giấy phép) và tăng 0,8% về diện tích (+83,3 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài¹

Từ đầu năm đến ngày 15/11, Thành phố đã cấp phép 751 dự án có vốn nước ngoài với tổng vốn đăng ký đạt 1.965,1 triệu USD, tăng gấp 2,4 lần so với cùng kỳ năm trước; trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu² của thành phố có 657 dự án được cấp mới với vốn đăng ký đạt 1.454,3 triệu USD, chiếm 74,1% tổng vốn cấp mới, tăng gấp đôi vốn so với cùng kỳ năm trước.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 201 dự án, vốn đầu tư đạt 991,1 triệu USD; góp vốn, mua cổ phần có 2.014 dự án với vốn đầu tư đạt 2.562,2 triệu USD.

Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần đến ngày 15/11 trên địa bàn thành phố đạt 5.518,3 triệu USD, gấp đôi cùng kỳ năm trước.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

– **Theo hình thức đầu tư:** 100% vốn nước ngoài 659 dự án với vốn đầu tư đạt 1.785,6 triệu USD; liên doanh 89 dự án, vốn đầu tư đạt 168,5 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 3 dự án, vốn đầu tư 10,9 triệu USD.

– **Theo lĩnh vực đầu tư:** hoạt động kinh doanh bất động sản đứng đầu với 24 dự án, vốn đầu tư đạt 1.011,7 triệu USD, chiếm 51,5% tổng vốn đăng ký cấp mới. Kế đến là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 45 dự án, vốn đầu tư đạt 479,7 triệu USD (chiếm 24,4%); thương nghiệp 284 dự án, vốn đầu tư 212,2 triệu USD (chiếm 10,8%); thông tin truyền thông 99 dự án, vốn đầu tư 76,1 triệu USD; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 174 dự án, vốn đầu tư đạt 67,5 triệu USD...

– **Theo quốc gia đầu tư:** thành phố đã có 56 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, Hàn Quốc có 142 dự án, vốn đầu tư đạt 1.034,4 triệu USD, chiếm 52,6% trong tổng vốn; Hoa Kỳ 33 dự án, vốn đầu tư đạt 253 triệu USD; Nhật Bản 127 dự án, vốn đầu tư đạt 141,3 triệu USD (chiếm 7,2%); Singapore 97 dự án, vốn đầu tư đạt 138,5 triệu USD (chiếm 7,1%); Đài Loan 25 dự án, vốn đầu tư đạt 121,8 triệu USD (chiếm 6,2%); Hà Lan 20 dự án, vốn đầu tư đạt 64 triệu USD (chiếm 3,3%)...

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động:

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp³

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 37.040 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đạt 495.660 tỷ đồng, tăng 14% về số giấy phép và tăng 90,8% về vốn so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu của thành phố chiếm đến ¾ cả về

¹ Nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư

² 9 ngành dịch vụ chủ yếu bao gồm: thương mại; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; thông tin và truyền thông; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; kinh doanh bất động sản; chuyên môn, khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế.

³ Nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư

số lượng doanh nghiệp được cấp phép và vốn đăng ký cấp mới; tăng 14,2% về số giấy phép và tăng 90,6% so với cùng kỳ. Vốn đăng ký bình quân của một doanh nghiệp đạt 13,4 triệu tỷ đồng, tăng 67,4% so với cùng kỳ.

Phân theo loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn có 32.079 doanh nghiệp, vốn đầu tư đạt 259.140 tỷ đồng (chiếm 52,3%), tăng 13,5% về số lượng giấy phép và tăng 85,1% về vốn đăng ký. Công ty cổ phần có 4.451 doanh nghiệp, tăng 21,6% so với cùng kỳ; vốn đầu tư đạt 236.133 tỷ đồng (chiếm 47,6%), tăng 97,7%. Doanh nghiệp tư nhân 507 dự án, vốn đầu tư đạt 363 tỷ đồng, giảm 0,7% so với vốn cùng kỳ năm trước.

Phân theo khu vực kinh tế:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** cấp phép thành lập 201 doanh nghiệp, tăng 18,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 2.330 tỷ đồng, tăng 27,9%.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** 7.813 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 88.030 tỷ đồng, tăng 10,5% về số giấy phép và tăng 64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xây dựng 3.730 doanh nghiệp, vốn đầu tư chiếm 68% tổng vốn khu vực, đạt 59.893 tỷ đồng, tăng 78,1% so với cùng kỳ; công nghiệp 3.880 doanh nghiệp, vốn đầu tư đạt 19.933 tỷ đồng, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** 29.026 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 405.300 tỷ đồng, tăng 14,9% về số giấy phép và gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh bất động sản dẫn đầu với 2.225 doanh nghiệp với vốn đầu tư đạt 209.671 tỷ đồng, chiếm 51,7% tổng vốn khu vực, tăng gấp đôi cùng kỳ năm trước; thương mại 14.086 doanh nghiệp, vốn đầu tư đạt 78.024 tỷ đồng (chiếm 19,3%); Khoa học, công nghệ 3.542 doanh nghiệp, vốn đầu tư 33.775 tỷ đồng (chiếm 8,3%); Vận tải kho bãi 1.631 doanh nghiệp, vốn đầu tư 13.771 tỷ đồng (chiếm 3,4%); Dịch vụ lưu trú và ăn uống 1.673 doanh nghiệp, vốn đầu tư 8.560 tỷ đồng (chiếm 2,1%)...

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động⁴:

Trong 10 tháng, thành phố đã có 2.704 doanh nghiệp giải thể. Trong đó, công ty trách nhiệm hữu hạn là 2.139 doanh nghiệp, chiếm 79,1%; 311 công ty cổ phần, chiếm 11,5%; 144 doanh nghiệp tư nhân, chiếm 5,3%; 102 công ty có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 3,8%. Doanh nghiệp ngưng hoạt động có 5.170 đơn vị, doanh nghiệp chuyển tỉnh có 508 đơn vị.

IV. NỘI THƯƠNG

Trong những ngày đầu tháng 11, tình hình tiêu thụ hàng hóa bắt đầu chuyển biến với nhiều dấu hiệu tích cực, thị trường bán lẻ sẽ sôi động vào nửa cuối tháng với nhiều chương trình khuyến mãi trên tất cả các cửa hàng, đặc biệt các chương trình khuyến mãi mua sắm trên mạng. Các doanh nghiệp thành phố đã chuẩn bị nguồn hàng phục vụ

⁴ Cục Thuế Thành phố

tết với tổng giá trị hàng hóa ước tính 17.812,1 tỷ đồng, tăng 743,3 tỷ đồng (4,17%) so với Tết Đinh Dậu 2017. Trong đó, giá trị hàng bình ổn thị trường là 7.044,8 tỷ đồng. Dự kiến nhiều nhóm hàng được chuẩn bị với số lượng lớn, có thể chi phối một phần nhu cầu của thị trường như: thịt gia cầm (57,1%), trứng gia cầm (47,1%), thực phẩm chế biến (39,1%), thịt gia súc (35,5%), dầu ăn (34,5%), gạo (29,3%)...

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước đạt 80.720,9 tỷ đồng, tăng 2,15% so tháng trước.

Ước tính 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 837.398,2 tỷ đồng, tăng 11,51% so cùng kỳ.

Chia theo thành phần kinh tế:

- Kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 14,2% trong tổng số, tăng 17,90%.
- Kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 7,4%, tăng 9,45%;
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 78,4%, tăng 10,62%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 11 đạt 51.246,4 tỷ đồng, tăng 2,24% so tháng trước. Ước 11 tháng đầu năm đạt 538.389,6 tỷ đồng, chiếm 64,3% trong tổng mức, tăng 11,76%. Chia theo nhóm hàng:

- Lương thực thực phẩm chiếm 11% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa, tăng 10,28% so cùng kỳ.
- Hàng may mặc chiếm 4,3%, tăng 11,2%.
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 12,2%, tăng 10,96%;
- Phương tiện đi lại chiếm 4,6%, tăng 13,8%; riêng xe ô tô chiếm 1,6%, tăng 14% so cùng kỳ.
- Xăng dầu chiếm 5,5%, tăng 13,7%.

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 11 đạt 7.712,9 tỷ đồng, tăng 2,25% so tháng trước. Ước 11 tháng đầu năm đạt 82.347,4 tỷ đồng, chiếm 9,8% trong tổng mức, tăng 10,39% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 12,6%; dịch vụ ăn uống tăng 10,2%.

c. Du lịch lữ hành: ước tính doanh thu tháng 11 đạt 2.400,6 tỷ đồng, tăng 1,35% so tháng trước. Tuy nhiên tháng 11 năm nay, do ảnh hưởng của mưa bão, triều cường tại nhiều địa phương nên du lịch nội địa gặp bất lợi.

Ước tính 11 tháng đầu năm, doanh thu du lịch lữ hành đạt 21.279,5 tỷ đồng, chiếm 2,5% trong tổng mức, tăng 19,31% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 11 ước đạt 19.361 tỷ đồng, tăng 1,96% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 195.381,7 tỷ đồng, chiếm 23,3% trong tổng mức, tăng 10,52% so cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 11 đạt 2.921,8 triệu USD, giảm 3,0% so tháng trước. **Ước tính 11 tháng đạt 32.022,9 triệu USD, tăng 16,1% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 11 tháng ước đạt 29.227,0 triệu USD.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 11 đạt 2.815,3 triệu USD, tăng 11,9% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 29.765,7 triệu USD, tăng 12,3% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước 11 tháng đạt 26.969,8 triệu USD, tăng 11,7%.

Chia theo thành phần kinh tế:

- Nhà nước: đạt 3.474,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,7%, tăng 6,9%.
- Ngoài nhà nước: đạt 9.748,2 triệu USD, chiếm 32,7%, tăng 7,1%.
- Có vốn nước ngoài: đạt 16.542,7 triệu USD, chiếm 55,6%, tăng 16,9%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 5.784,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,4%; vị trí thứ 2 là Hoa Kỳ với 5.358,8 triệu USD, chiếm 18,0%; vị trí thứ 3 là Nhật Bản với 2.825,2 triệu USD, chiếm 9,5%; vị trí thứ 4 là Hàn Quốc với 1.585,6 triệu USD, chiếm 5,3%; vị trí thứ 5 là Malaysia với 1.373,2 triệu USD, chiếm 4,6%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản đạt 4.711,8 triệu USD, tăng 3,2% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 17,5%. Trong đó:

– Gạo đạt 798,3 triệu USD, tăng 11,1%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 860,6 ngàn tấn, tăng 47,6%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (62,8%), Philippines (8,6%), Ghana (7,7%), Bờ Biển Ngà (4,2%), Malaysia (2,4%), ...

– Cà phê đạt 665,9 triệu USD, giảm 10,5% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 363,5 ngàn tấn, giảm 51,0%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Đức (16,5%), Hoa Kỳ (12,9%), Tây Ban Nha (12,5%), Ý (9,0%), Algeria (4,4%)...

– Cao su đạt 670,5 triệu USD, tăng 18,0% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 281,7 ngàn tấn, giảm 14,5%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (53,8%), Malaysia (11,3%), Ấn Độ (6,3%), Hàn Quốc (4,3%), Sri Lanka (3,0%)...

– Hàng thủy hải sản đạt 768,3 triệu USD, tăng 17,7%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản (20,2%), Hàn Quốc (11,9%), Malaysia (9,6%), Hoa Kỳ (7,1%), Trung Quốc (7,0%)...

– Hàng lâm sản đạt 471,3 triệu USD, giảm 3,4%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (32,7%), Hàn Quốc (12,7%), Trung Quốc (11,5%), Nhật Bản (6,5%), Anh (6,0%)...

Nhóm hàng công nghiệp đạt 19.979,2 triệu USD, tăng 11,4% và chiếm tỷ trọng 74,1%. Trong đó:

– Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 7.467,5 triệu USD, tăng 25,3% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 27,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (36,1%), Hồng Kông (12,8%), Hoa Kỳ (9,2%), Malaysia (8,8%), Hàn Quốc (5,5%)...

– Hàng may mặc ước đạt 4.873,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,1%, giảm 2,4% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (45,6%), Nhật Bản (16,3%), Hàn Quốc (7,5%), Trung Quốc (4,5%), Anh (4,1%)...

– Hàng giày dép ước đạt 2.303,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,5%, tăng 2,6% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (29,9%), Đức (11,5%), Trung Quốc (8,0%), Nhật Bản (6,6%), Anh (5,2%)...

– Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 2.009,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,4%, tăng 8,3% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản (19,6%), Trung Quốc (13,0%), Hoa Kỳ (11,9%), Hồng Kông (7,9%), Ấn Độ (5,6%)...

Nhóm hàng hóa khác đạt 2.278,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,4%, tăng 31,4%.

* Riêng dầu thô: ước 11 tháng đạt 6.756,1 ngàn tấn, giảm 4,3%; về trị giá đạt 2.795,8 triệu USD, tăng 19,0% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 11 đạt 3.805,9 triệu USD, tăng 5,0% so tháng trước. **Ước tính 11 tháng đạt 38.899,5 triệu USD, tăng 13,5% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 11 ước đạt 3.391,6 triệu USD, tăng 11,6% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 33.357,8 triệu USD, tăng 12,5% so cùng kỳ. Chia ra:

– Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.749,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 19,0%.

– Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 17.187,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 51,5%, tăng 9,0%.

– Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 14.420,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 43,2%, tăng 16,1%;

Thị trường nhập khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 9.542,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 28,6%; vị trí thứ 2 là Hàn Quốc với 2.748,2 triệu USD, chiếm 8,2%; vị trí thứ 3 là Singapore với 2.744,5 triệu USD, chiếm 8,2%; vị trí thứ 4 là Hoa Kỳ với 2.264,0 triệu USD, chiếm 6,8%; vị trí thứ 5 là Thái Lan với 2.099,6 triệu USD, chiếm 6,3%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng năm 2017:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

– Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: nhập 7.981,9 triệu USD, tăng 27,6%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (46,7%), Hoa Kỳ (16,8%), Đài Loan (9,1%), Hàn Quốc (8,4%), Malaysia (4,4%)...

– Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 4.178,7 triệu USD, tăng 6,4%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (25,8%), Nhật (11,8%), Singapore (10,2%), Hàn Quốc (8,2%), Đức (6,4%)...

– Vải các loại: nhập 2.110,3 triệu USD, tăng 0,2%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (42,4%), Đài Loan (16,4%), Hàn Quốc (14,5%), Nhật Bản (10,9%), Hồng Kông (5,8%)...

– Chất dẻo nguyên liệu: nhập 1.669,1 triệu USD, tăng 5,9%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Singapore (17,6%), Đài Loan (11,1%), Hàn Quốc (10,7%), Thái Lan (10,6%), Trung Quốc (9,8%)...

– Xăng dầu các loại: nhập 823,4 triệu USD, tăng 66,0%; về lượng ước nhập 1.302,8 ngàn tấn, tăng 32,3%.

– Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 675,4 triệu USD, giảm 1,3%.

– Sắt thép các loại: nhập 3.299,5 ngàn tấn, giảm 74,4%; kim ngạch đạt 1.277,1 triệu USD, giảm 8,5%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (61,1%), Nhật Bản (12,9%), Ấn Độ (9,2%), Hàn Quốc (5,0%), Đài Loan (4,2%)...

– Dược phẩm đạt 1.336,5 triệu USD, tăng 13,3%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Pháp (16,0%), Bỉ (11,0%), Ấn Độ (9,4%), Đức (9,2%), Singapore (8,4%)...

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (bao gồm hàng hóa và hành khách) tháng 11 ước đạt 7.815,9 tỷ đồng, tăng 4,1% so với tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 74.882,5 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ 2016.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 11 tháng đầu năm 2017

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2016	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	54.275,2	20.607,3	110,8	123,6
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.034,2	301,5	100,7	92,0
Kinh tế ngoài nhà nước	49.964,7	15.272,3	111,8	121,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	276,3	5.033,5	93,1	131,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	33.533,8	15.578,9	115,3	121,6
Đường sông	5.717,6	329,0	109,8	103,2
Đường biển	14.909,2	-	101,9	-
Đường hàng không	114,6	4.699,4	115,0	132,9

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 11 ước đạt 5.894,9 tỷ đồng, tăng 4,4% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 54.275,2 tỷ đồng, tăng 10,8% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,06%, tăng 11,8%; kinh tế nhà nước chiếm

9,3%, tăng 0,7%. Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 61,8%, tăng 15,3%, đường biển chiếm tỷ trọng 27,5%, tăng 1,9%.

– **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 11 ước đạt 1.921 tỷ đồng, tăng 3,3% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 20.607,3 tỷ đồng, tăng 23,6% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 74,1% (cùng kỳ 82,0%), tăng 21,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 24,4%, tăng 31,9%. Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 15.578,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,6%, tăng 21,6%; Đường hàng không chiếm 22,8% (cùng kỳ 15,4%), tăng 32,9%.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 11 tháng ước thực hiện 307.336 tỷ đồng, đạt 88,34% dự toán, tăng 12,62% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 194.516 tỷ đồng, đạt 85,89% dự toán, tăng 14,02% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 15.520 tỷ đồng, đạt 125,16% dự toán, tăng 23,22% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 97.300 tỷ đồng, đạt 89,27% dự toán, tăng 8,48% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	347.882	307.336	88,34	112,62
I- Thu nội địa	226.482	194.516	85,89	114,02
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.447	19.715	74,54	90,83
2. Khu vực ngoài nhà nước	57.147	45.286	79,25	116,89
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	66.884	52.225	78,08	117,37
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	109.000	97.300	89,27	108,48
III- Thu từ dầu thô	12.400	15.520	125,16	123,22

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,14% tổng thu nội địa, giảm 9,17% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 14.042 tỷ đồng, đạt 76,90% dự toán, giảm 7,95% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 5.673 tỷ đồng, đạt 69,29% dự toán, giảm 12,03% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 45.286 tỷ đồng, tăng 16,89% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 52.225 tỷ đồng, tăng 17,37% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 11 tháng ước thực hiện 88.560 tỷ đồng, đạt 130,72% dự toán, tăng 10,19% so cùng kỳ năm 2016.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng ước thực hiện 45.733 tỷ đồng, đạt 64,74% dự toán, tăng 10,95% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng chi (trừ tạm ứng)	70.647	45.733	64,74	110,95
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	25.147	17.209	68,44	114,43
II- Chi thường xuyên	34.200	26.306	76,92	106,63
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.054	4.309	71,17	144,44
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.551	7.650	72,50	109,49
Sự nghiệp y tế	2.300	1.965	85,46	73,54
Quản lý hành chính	5.661	4.629	81,78	107,03

Chi đầu tư phát triển 17.209 tỷ đồng, đạt 68,44% dự toán, tăng 14,43% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 26.306 tỷ đồng, đạt 76,92% dự toán, tăng 6,63% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 4.309 tỷ đồng, đạt 71,17% dự toán, tăng 44,44%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 7.650 tỷ đồng, đạt 72,50% dự toán, tăng 9,49%; chi sự nghiệp y tế 1.965 tỷ đồng, đạt 85,46% dự toán, giảm 26,46%; chi quản lý hành chính 4.629 tỷ đồng, đạt 81,78% dự toán, tăng 7,03% so cùng kỳ 2016.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 11 đạt 1.979,12 ngàn tỷ đồng, tăng 0,84% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,8%); tăng 13,80% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,6% tổng vốn huy động, tăng 8,45% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng lớn 50,51% tổng vốn huy động, tăng 7,97% so với tháng cùng kỳ. Nguồn vốn huy động dự ước tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, đảm bảo khả năng thanh khoản và điều kiện để tăng trưởng tín dụng đạt kết quả tích cực trong năm 2017.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,78%, tăng 11,41% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,22%; tăng 14,12% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 11 đạt 1.703,44 ngàn tỷ đồng, tăng 20,78% so với tháng cùng kỳ và tăng 15,57% so với tháng 12/2016. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 909,96 ngàn tỷ đồng, chiếm 53,42% tổng dư nợ, tăng 16,86% so tháng cùng kỳ. Dự ước đến cuối năm 2017 dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 157,72 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,26% tổng dư nợ, tăng 12,99% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.545,72 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,74% tổng dư nợ, tăng 21,64% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 10 năm 2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 344 gồm 340 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 1 mã quỹ ETF so với cuối tháng trước (ngày 05/10 mã cổ phiếu CVT của Công ty Cổ phần CMC giao dịch phiên đầu tiên; ngày 12/10/2017 hủy niêm yết mã cổ phiếu TIC của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên; ngày 24/10 mã quỹ ETF FUESSV50 của Quỹ ETF SSIAM VNX50 giao dịch phiên đầu tiên; ngày 27/10, mã trái phiếu CII1709 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh giao dịch phiên đầu tiên).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.146.335 tỷ đồng, tăng 43,88% so với cuối năm 2016. Trong tháng 10/2017 có 22 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng tăng vững chắc về cuối tháng. Trong tháng 10, VN-Index có rất nhiều lần thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày: 09, 10, 11, 12, 13, 17, 19, 25, 27 và 30. Giao dịch trên thị trường khá sôi động khi cả khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên trong tháng này đều tăng nhẹ so với tháng trước. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 837,28 điểm, tăng 25,93% (tương ứng tăng 172,41 điểm) so với cuối năm 2016 và tăng 4,08% (tương ứng tăng 32,86 điểm) so với cuối tháng trước.

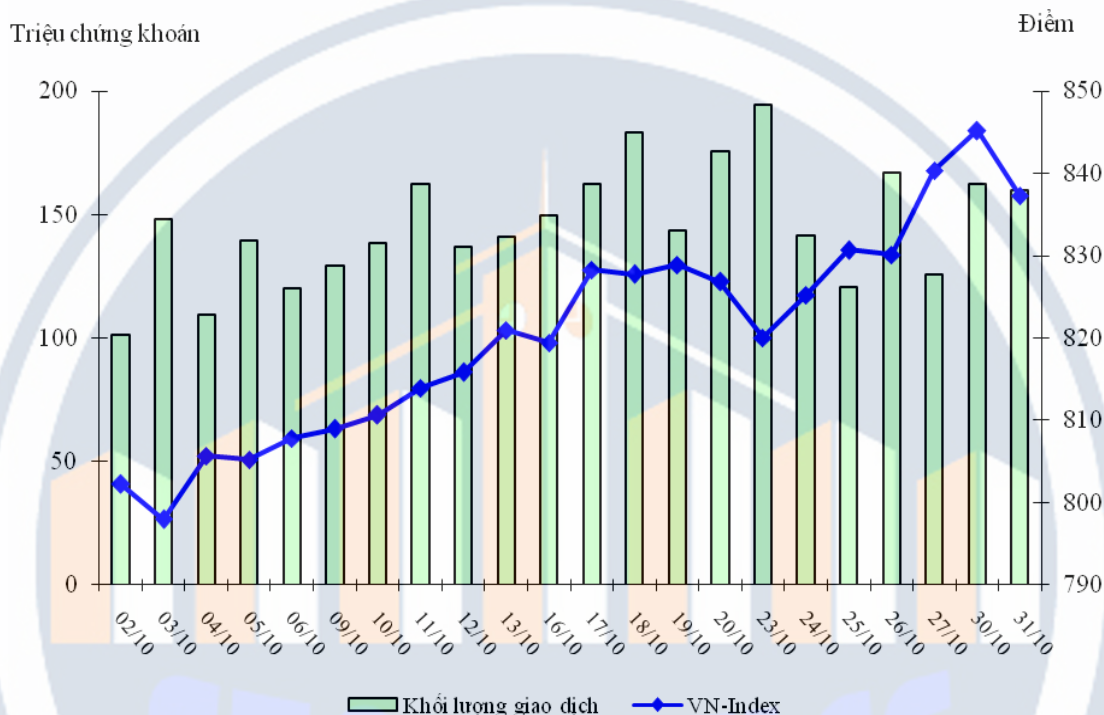
Khối lượng giao dịch trong tháng 10/2017 đạt 3.659,66 triệu chứng khoán, tăng 15,67% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 84.500,97 tỷ đồng, tăng 17,36% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 166,35 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 3.840,95 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 5,15% và giá trị giao dịch tăng 6,69% so với tháng trước.

Từ đầu năm đến cuối tháng 10 năm 2017, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 672,01 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 31/10 với 845,20 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10/2017	10 tháng năm 2017	Tháng 10 so tháng 09	10 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.659,66	38.491,17	115,67	142,86
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.616,15	38.247,62	114,97	142,62
Trái phiếu	6,44	123,44	83,54	162,08
Chứng chỉ quỹ & ETF	37,07	120,11	342,61	247,04
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.211,63	34.707,37	112,63	146,04
Giao dịch thỏa thuận	448,03	3.783,80	143,37	119,13
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	84.500,97	791.703,02	117,36	156,56
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	83.340,01	777.360,66	117,25	156,29
Trái phiếu	659,90	12.825,61	84,02	164,42
Chứng chỉ quỹ & ETF	501,06	1.516,75	359,31	309,46
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	67.643,39	677.240,26	106,18	163,64
Giao dịch thỏa thuận	16.857,58	114.462,76	203,23	124,65

Đồ thị VN-Index tháng 10/2017 trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



Cập nhật đến ngày 15/11/2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 346. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.348.641 tỷ đồng, tăng 57,44% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 882,59 điểm, tăng 217,72 điểm (tương ứng tăng 32,75%) so với cuối năm trước.

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/09/2017 đến ngày 15/10/2017)

Vi phạm kinh tế, môi trường: trong tháng đã khám phá 85 vụ, bao gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (32 vụ); trốn thuế, kinh doanh hàng hóa không hóa đơn, chứng từ (31 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (8 vụ); kinh doanh không đăng ký, kinh doanh không đúng địa điểm (13 vụ); tham ô tài sản (1 vụ). Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 12,5 tỷ đồng. Phát hiện, lập biên bản xử lý 25 vụ vi phạm về các hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại, vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm quy định về bảo vệ động vật quý hiếm. Ra quyết định xử lý vi phạm hành chính 18 vụ, thu về ngân sách khoảng 3,7 tỷ đồng.

Phạm pháp hình sự: đã xảy ra 472 vụ phạm pháp hình sự, giảm 13,08% so với cùng kỳ năm trước; làm chết 11 người, bị thương 52 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 20,1 tỷ đồng. Trong đó, có 7 loại án được kéo giảm gồm: cưỡng đoạt tài

sản 3 vụ (-6 vụ); cố ý gây thương tích 39 vụ (-12 vụ); chống người thi hành công vụ 2 vụ (-3 vụ); cướp giật tài sản 66 vụ (-3 vụ); trộm tài sản 294 vụ (-19 vụ); lừa đảo – lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 23 vụ (-27 vụ) và án khác 11 vụ (-8 vụ). Tuy nhiên, có 1 loại án tăng là cướp tài sản xảy ra 20 vụ (+7 vụ). Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 318 vụ (đạt 67,37%) và bắt 364 người vi phạm.

Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

– **Ma túy:** Đã khám phá 90 vụ, bắt 274 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Đã khởi tố 75 vụ 104 người vi phạm; xử lý hành chính 15 vụ với 170 người vi phạm.

– **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Phát hiện, xử lý 16 vụ chứa và môi giới mại dâm (chủ yếu tại địa bàn quận 5, quận 10).

– **Cờ bạc, cá độ:** Đã phát hiện, xử lý 11 vụ 131 đối tượng tổ chức cờ bạc, thu khoảng 157 triệu đồng và một số công cụ, phương tiện phạm tội khác.

Trật tự an toàn giao thông: ghi nhận đã xảy ra 367 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 59 người, bị thương 271 người. Trong đó, có 68 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở, tăng 3,03% (+2 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 59 người, tăng 3,51% (+2 người); bị thương nặng 18 người tăng 5,88% (+1 người) và 299 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 253 người, hư hỏng 38 xe các loại.

Xảy ra 2 vụ va chạm trên tuyến hàng hải (không có thiệt hại về người); không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Đã phát hiện, lập biên bản xử lý 20.124 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, kiểm tra và xử lý 11 trường hợp xe quá khổ, chở hàng quá tải; tước giấy phép lái xe 3.724 trường hợp; tạm giữ 2.187 xe các loại; ra quyết định xử phạt 17.919 trường hợp, chuyển về Kho bạc Nhà nước thu khoảng 13 tỷ đồng.

Về tình hình cháy, nổ: đã xảy ra 73 vụ cháy, giảm 28,43% so với cùng kỳ năm trước; làm chết 1 người, bị thương 4 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 54,85 triệu đồng (11 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố các hệ thống, thiết bị điện và vi phạm quy định trong sử dụng điện. Trong tháng, không xảy ra vụ nổ nào trên địa bàn.

2. Giải quyết việc làm

Trong tháng, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 24.975 lượt người, tăng 1,43% so với tháng trước; số chỗ việc làm mới tạo ra là 9.998 chỗ làm, giảm 15,67%. Lũy kế 11 tháng, đã có 298.200 lượt người được giải quyết việc làm, vượt kế hoạch 6,5%; số chỗ việc làm mới tạo ra là 123.329 chỗ làm, đạt 98,66% so với kế hoạch.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 1/10 đến 31/10, trên địa bàn thành phố có 11.296 lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, 12.251 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 11.307 người được tư vấn - giới thiệu việc làm, 2.056 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng năm 2017.



CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733